TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2023/TLST - HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1971, *(có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1980, (*vắng mặt)*

Cư trú tại: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; Cư trú tại: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

Chi hội phụ nữ và Trưởng thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Minh H được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn vì chị H chưa đủ tuổi kết hôn. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, chị H nghi ngờ anh không chung thủy nên đã hỗn láo, chửi mắng anh, anh đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó anh nghĩ lại đã rút đơn vợ chồng đoàn tụ. Ngày 18/10/2021 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống vẫn không hạnh phúc. Năm 2022, chị H tiếp tục không tin tưởng và nghi ngờ anh có người phụ nữ khác nên chị H đã nhiều lần nhắn tin chửi mắng, xúc phạm anh. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn A, sinh ngày 25/7/1998 và Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010. Hiện cháu A đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu T1, anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con nếu chị H yêu cầu, hiện nay anh làm nghề lái xe, có công việc và thu nhập ổn định

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Minh H trình bày: Về thời gian tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, con chung đúng như anh T trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do chị có nghe dư luận về việc anh T sống không chung thủy, tuy nhiên chị không có căn cứ, không đề nghị xem xét xử lý, anh T không đánh đập chị nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm, anh T đã thuê nhà ra ở riêng, gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay anh T ly hôn, chị không đồng ý ly hôn. Chị khẳng định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị không có mặt theo giấy triệu tập. Tại thời điểm anh chị chung sống như vợ chồng do chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị biết như vậy là vi phạm pháp luật nhưng chị không yêu cầu xử lý đối với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Văn A, sinh ngày 25/7/1998 và Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010. Chị đề nghị cháu A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nuôi cháu T1, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Nếu anh T không đồng ý đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T, chị H là con dâu bà. Anh chị T, H được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1997. Vì chị H chưa đủ tuổi nên không đăng ký

kết hôn, đến ngày 18/10/2021 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Đỗ Văn A\, sinh ngày 25/7/1998 và Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010. Anh chị sống hòa thuận từ năm 1997 đến năm 2020 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do đâu bà không nắm được vì bà không ăn ở chung cùng nhà. Vợ chồng ly thân hơn 01 năm, anh T làm nghề lái xe, chị H làm công nhân sáng đi làm, tối về nhà làm trên diện tích đất của bà. Bà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nếu anh T kiên quyết xin ly hôn, đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà đề nghị giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng.

* Trưởng thôn và chi hội trưởng phụ nữ thôn L, xã S đều thống nhất trình bày: Anh chị T H tổ chức lễ cưới từ năm 1997 không đăng ký kết hôn vì chị H chưa đủ tuổi. Đến ngày 18/10/2021, anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS. Quá trình chung sống, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn thông qua dư luận thì anh T làm nghề lái xe tải chở hàng hóa, kinh doanh buôn bán hoa quả nên thường xuyên vắng nhà, không dành nhiều thời gian chăm sóc vợ con, anh chị đã ly thân hơn một năm, hai bên không quan tâm và trách nhiệm với nhau. Do anh chị không nhờ cơ sở thôn hòa giải nên, tổ chức cơ sở thôn không hòa giải. Chị H làm công nhân sáng đi, tối về, chị H và bà L ở riêng nhà nhưng trong cùng thửa đất. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. bị đơn chị H vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử anh Đỗ Văn T ly hôn chị Đỗ Thị Minh H. Về con chung: Cháu Đỗ Văn A, sinh ngày 25/7/1998 đã trưởng thành, không giải quyết. Giao con chung là Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng cho chị H, kể từ tháng 8/2023 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị Minh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Đỗ Thị Minh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, vì chị H chưa đủ tuổi nên không đăng ký kết hôn. Ngày 18/10/2021, anh chị đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TS, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh T sống không chung thủy, hai bên không cùng chung chí hướng nên anh chị đã ly thân gần 02 năm. Anh chị không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh T đã thuê nhà ra ở riêng. Vợ chồng ly thân từ đó, Chị H tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt tại Tòa án, không tham gia phiên hòa giải. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ mong muốn đoàn tụ của chị H là không thiện chí. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử cho anh T ly hôn chị H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn A, sinh ngày 25/7/1998 và Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010. Hiện cháu Anh đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không giải quyết. Chị H xin nuôi cháu Tú, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng; cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với chị H. Anh T nhất trí với nguyện vọng của chị H và cháu T1. Cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi, phù hợp với quy đinh tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T, chị H tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn T ly hôn chị Đỗ Thị Minh H.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Minh H tiếp tục nuôi con Đỗ Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/6/2010. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền 600.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000[đ] theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003409 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/7/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã TS.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài